| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN**<br>**THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 01 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Lê Anh Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Văn Chương.

Ông Ngô Minh Tâm.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Đào Quang Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 715/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 419/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Thiên L, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn DN, xã TT, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1991. Địa chỉ thường trú: Thôn 1, xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Địa chỉ nơi ở hiện nay: Số 19, ngõ BĐ, tổ dân phố HT, thị trấn MĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thiên L và anh Bùi Văn Q kết hôn với nhau vào năm 2016, trên cơ sở tìm hiểu tự

nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống cùng với bà nội anh Bùi Văn Q tại số nhà 19, ngõ BĐ, thị trấn MĐ, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng và vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 4 năm 2017 đến nay. Nay, chị Phạm Thị Thiên L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh Bùi Văn Q. Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến và đề nghị của bị đơn: Anh Bùi Văn Q đã được Tòa án tống đạt các văn bản và các quyết định tố tụng nhưng không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; đương sự là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Phạm Thị Thiên L được ly hôn. Chị Phạm Thị Thiên L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2016 của Ủy ban nhân dân xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng xác định chị Phạm Thị Thiên L và anh Bùi Văn Q kết hôn với nhau vào ngày 24 tháng 10 năm 2016; Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương, thôn xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ khoảng cuối năm 2016, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau, hay xẩy ra cãi mắng nhau. Anh Bùi Văn Q hiện vẫn đang làm ăn, sinh sống tại địa phương, anh Bùi Văn Q có biểu hiện nghiện ma túy. Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh Bùi Văn Q không đến làm việc.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thiên L và anh Bùi Văn Q được xác lập vào năm 2016 là hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 4 năm 2017 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh Bùi Văn Q hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa xét xử vụ án, nhưng anh Bùi Văn Q đều vắng mặt, điều này thể hiện anh Bùi Văn Q không muốn hòa giải. Chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của chị Phạm Thị Thiên L là phù hợp Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xác định vợ chồng không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị Phạm Thị Thiên L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thiên L được ly hôn anh Bùi Văn Q.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị Thiên L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005911 ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự

huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; chị Phạm Thị Thiên L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã NL;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Anh Sơn**